

Bản tin Phân tích kỹ thuật

28/09/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GA000 giảm mạnh đầu phiên và dành phần lớn thời gian còn lại giằng co sau khi tiếp cận khu vực 1.916 điểm. Dự báo hợp đồng sẽ hồi phục về vùng giá 1.937 điểm nếu hình thành nến đóng cửa trên ngưỡng 1.924 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ tại ngưỡng 1.920 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.924 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.937 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.920 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index thu hẹp đà giảm về cuối phiên nhưng độ rộng thị trường vẫn tiêu cực với 227 mã giảm so với 105 mã tăng, cho thấy nhịp hồi chủ yếu được dẫn dắt bởi một số cổ phiếu và chưa có sự đồng thuận trên diện rộng. Về hoạt động giao dịch, nhóm Chứng khoán và Bất động sản chịu áp lực bán tương đối mạnh, trong khi Ngân hàng và Tiêu dùng diễn biến phân hóa. Ở chiều ngược lại, Dầu khí và Bảo hiểm là các nhóm nổi bật nhờ lực mua gia tăng.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index thu hẹp đà giảm từ vùng 1.760 điểm và đóng cửa trở lại trên ngưỡng 1.775 điểm, cho thấy quán tính giảm chưa hoàn toàn chi phối. Tín hiệu này tạo điều kiện để chỉ số hình thành nhịp hồi kỹ thuật về vùng 1.790–1.795 điểm trong phiên 29/09. Hỗ trợ quan trọng trong giai đoạn hiện tại nằm tại vùng 1.760–1.775 điểm.
- Đánh giá chất lượng nhịp hồi trong một vài phiên tới, diễn biến cung cầu và phản ứng của VN-Index quanh vùng giá thấp cho thấy lực mua vẫn chưa đủ mạnh và lan tỏa để xác nhận tín hiệu tạo đáy. Do đó, nếu xuất hiện nhịp hồi phục, chất lượng nhiều khả năng vẫn ở mức thấp và xác suất chỉ số giảm trở lại sau đó đang chiếm ưu thế.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SSI	24/08/2026		Đang mở	20,150	21,100	-4.5%	19,300	23,000		
STB	27/08/2026		Đang mở	77,200	74,000	4.3%	73,000	82,000	74,000	
VIC	15/09/2026		Đang mở	231,900	241,000	-3.8%	227,000	269,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	45,550	45,400	0.3%	42,800	56,000		
PVS	18/09/2026		Đang mở	33,400	33,000	1.2%	30,800	39,500		
MBB	18/09/2026		Đang mở	19,800	20,400	-2.9%	20,100	21,800	19,600	
MCH	18/09/2026	28/09/2026	Dừng lỗ	140,000	144,000	-2.8%	140,000	156,000		
MSN	18/09/2026	28/09/2026	Chốt lãi	68,500	68,200	0.4%	65,800	73,000	68,500	

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BSR	32,400	6.58%	2.69%	162,237	2.690	3,974	2.2	8.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	83,500	3.73%	-3.02%	201,481	1.893	5,269	2.9	15.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	138,000	-2.13%	-3.50%	180,422	-0.968	5,424	9.7	25.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BVH	73,600	6.98%	4.40%	54,635	0.961	4,472	2.1	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	20,200	-2.18%	-4.27%	170,548	-0.937	2,750	1.2	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	69,500	0.58%	2.06%	570,930	0.833	9,730	2.2	7.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	32,850	-1.20%	1.86%	232,783	-0.706	3,829	1.3	8.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	45,500	-2.05%	-1.30%	135,921	-0.701	3,780	3.2	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GVR	32,200	-2.13%	0.00%	128,800	-0.691	1,751	2.1	18.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TCX	29,150	-2.67%	-5.97%	97,050	-0.653	1,858	2.1	15.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	58,300	0.52%	-1.02%	487,136	0.635	4,984	2.0	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,850	-1.00%	-3.71%	231,843	-0.581	5,172	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	72,000	-1.91%	0.42%	106,250	-0.511	6,662	3.0	10.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSB	18,850	-3.08%	-16.04%	65,387	-0.508	870	1.6	21.7	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
FPT	63,700	-1.55%	-4.07%	120,121	-0.468	5,326	3.0	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVS	33,400	5.70%	0.30%	20,498	-1.214	3,432	1.3	9.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
THD	122,600	-1.45%	-0.24%	47,201	0.710	395	9.3	310.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,600	1.49%	2.26%	39,775	-0.617	136	2.8	99.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	65,600	3.47%	1.23%	16,903	-0.610	5,142	1.9	12.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,700	-3.09%	-5.99%	15,715	0.504	1,828	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	13,200	-3.65%	-6.38%	11,873	0.451	1,119	1.0	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	107,500	1.22%	-2.45%	32,250	-0.411	11,734	4.9	9.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PGS	81,000	9.46%	3.98%	4,050	-0.398	2,718	4.0	29.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIT	25,800	9.79%	-3.73%	2,059	-0.210	1,546	2.4	16.7	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KSF	77,000	-0.26%	-2.28%	69,284	0.187	16,970	3.2	4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	79,800	-3.51%	0.00%	244,342	-0.181	4,047	6.4	19.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MVN	58,500	-2.66%	-0.68%	71,053	-0.040	2,341	4.6	25.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PAP	32,200	15.00%	15.00%	11,495	0.036	-1,817	3.4	-17.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CC1	34,200	-10.00%	-10.24%	17,045	-0.036	550	3.8	62.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MSR	52,600	-1.68%	1.35%	57,840	-0.021	2,208	4.0	23.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	61,500	-2.07%	0.33%	45,468	-0.020	4,936	3.6	12.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	39,200	-0.51%	-1.26%	139,901	-0.015	3,104	1.9	12.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	54,500	3.81%	-7.63%	12,813	0.010	4,365	4.3	12.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PCB	8,900	5.95%	-1.11%	8,116	0.010	1,710	0.6	5.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TTD	93,700	15.97%	-1.37%	2,979	0.010	2,738	8.6	34.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

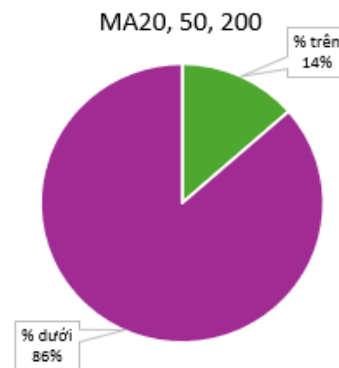
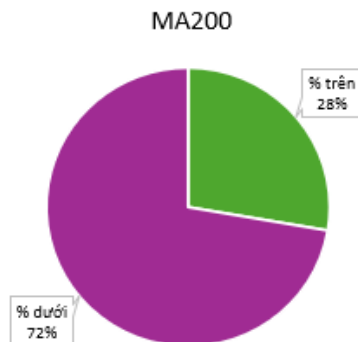
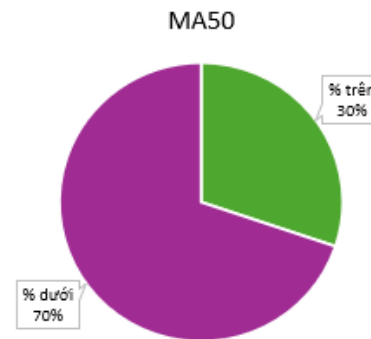
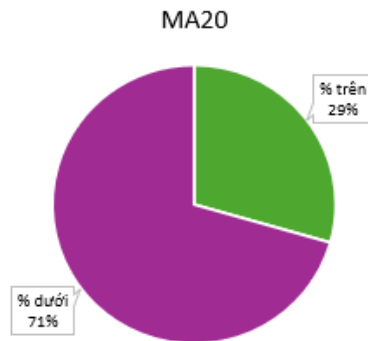
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
QNS	50,300	1.0%	18.4	12.1	40,200	50,200	1.7	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	51,000	6.3%	43.3	23.7	19,977	48,000	3.2	24.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	20,850	1.7%	28.7	18.2	13,042	20,500	1.1	6.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	17,800	0.6%	19.9	19.4	8,770	17,700	1.7	32.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBG	14,450	2.5%	5.8	4.5	9,458	14,350	1.3	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BVH	73,600	7.0%	246.4	47.9	46,215	86,000	2.1	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AGG	9,180	0.1%	13.3	3.1	9,170	18,409	0.4	2.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGR	137,200	1.6%	23.0	2.1	49,654	158,501	10.9	24.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
HPG	20,200	-2.2%	492.6	410.9	20,350	26,425	1.2	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
TCX	29,150	-2.7%	76.8	79.0	29,417	43,644	2.1	15.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
LPS	20,300	-4.0%	24.2	30.0	21,150	31,800	1.6	24.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
KBC	25,800	-0.6%	36.3	34.2	25,950	38,000	1.0	21.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
MBS	15,700	-3.1%	76.4	57.8	16,200	27,024	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
PNJ	30,700	-7.0%	65.0	193.2	30,750	84,671	1.2	6.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
SHS	13,200	-3.6%	181.9	144.5	13,700	27,400	1.0	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
VHC	48,650	-1.8%	14.9	17.5	49,450	69,200	1.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
VCG	13,700	-2.5%	29.8	30.9	14,050	25,100	0.8	2.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
CII	12,250	-2.8%	115.5	122.3	12,600	30,350	0.9	71.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
HSG	9,910	-0.9%	26.2	22.8	10,000	14,922	0.7	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
FTS	19,300	-4.0%	18.4	15.7	20,050	33,089	1.7	17.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
BSI	25,900	-2.6%	7.2	8.6	26,250	43,182	1.2	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
DBC	15,550	-1.0%	15.5	23.6	15,700	25,540	0.8	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
HDG	15,350	-3.2%	20.6	17.5	15,500	31,871	0.9	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	
HHV	8,990	-1.3%	29.6	23.6	9,110	15,576	0.5	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
NKG	9,460	-2.5%	17.1	15.6	9,700	16,773	0.6	28.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
PAN	18,000	-2.2%	8.7	8.1	18,200	26,127	0.8	3.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
IJC	6,570	-2.2%	9.6	10.2	6,690	13,456	0.5	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
HHS	9,310	-3.0%	12.6	11.2	9,400	19,700	0.5	182.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			28/09/2026	25/09/2026	24/09/2026	23/09/2026	22/09/2026	21/09/2026	18/09/2026	17/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	24%	24%	24%	26%	27%	25%	25%	25%
		Dưới	76%	76%	76%	74%	73%	75%	75%	75%
	MA50	Trên	33%	34%	31%	38%	37%	36%	38%	34%
		Dưới	67%	66%	69%	62%	63%	64%	62%	66%
	MA20	Trên	29%	31%	27%	32%	32%	29%	34%	30%
		Dưới	71%	69%	73%	68%	68%	71%	66%	70%
VN30	MA200	Trên	30%	33%	37%	43%	47%	37%	37%	43%
		Dưới	70%	67%	63%	57%	53%	63%	63%	57%
	MA50	Trên	47%	57%	57%	73%	70%	63%	63%	77%
		Dưới	53%	43%	43%	27%	30%	37%	37%	23%
	MA20	Trên	30%	33%	33%	43%	47%	45%	50%	73%
		Dưới	70%	67%	67%	57%	53%	55%	50%	27%
HNX	MA200	Trên	26%	26%	28%	29%	29%	29%	29%	26%
		Dưới	74%	74%	72%	71%	71%	71%	71%	74%
	MA50	Trên	31%	31%	32%	35%	37%	36%	37%	35%
		Dưới	69%	69%	68%	65%	63%	64%	63%	65%
	MA20	Trên	26%	26%	28%	29%	29%	29%	29%	26%
		Dưới	74%	74%	72%	71%	71%	71%	71%	74%
UPCOM	MA200	Trên	28%	28%	27%	27%	29%	28%	28%	27%
		Dưới	72%	72%	73%	73%	71%	72%	72%	73%
	MA50	Trên	29%	30%	30%	32%	33%	32%	33%	31%
		Dưới	71%	70%	70%	68%	67%	68%	67%	69%
	MA20	Trên	30%	31%	31%	31%	32%	32%	31%	31%
		Dưới	70%	69%	69%	69%	68%	68%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	15	Tháng 9																	Tháng 8		
		28 ↓	25	24	23	22	21	18	17	16	15	14	11	10	09	08	07	04	03	28	27
!	1 Bán lẻ	72	75	72	71	62	57	61	57	55	55	55	60	66	61	61	61	63	68	81	82
!	2 Hàng & Dịch vụ Côn...	64	63	60	60	57	50	54	53	52	50	48	50	52	51	52	55	61	61	66	66
	3 Dầu khí	61	53	56	73	73	78	76	79	82	80	68	57	58	58	56	52	63	61	57	58
	4 Hóa chất	59	61	60	59	56	56	57	59	59	57	52	55	60	62	60	59	59	60	57	58
!	5 Điện, nước & xăng d...	51	49	52	54	44	43	46	40	36	35	34	33	34	38	34	38	39	47	52	52
	6 Ngân hàng	48	53	52	55	50	51	50	54	52	49	44	44	50	49	50	51	54	52	60	56
7	7 Tài nguyên Cơ bản	45	46	46	49	49	48	49	49	47	49	48	50	51	54	54	53	56	59	66	67
!	8 Du lịch và Giải trí	43	44	44	46	47	46	45	44	38	35	33	35	35	36	39	35	30	31	44	45
7	9 Thực phẩm và đồ uống...	40	41	43	43	43	43	45	44	44	44	44	45	48	49	50	53	53	53	57	58
	10 Xây dựng và Vật liệu	34	36	36	35	32	27	31	30	30	30	27	32	36	37	37	40	40	43	50	51
7	11 Hàng cá nhân & Gia ...	32	34	36	37	34	34	38	35	33	36	34	37	40	46	49	51	54	48	53	53
	12 Công nghệ Thông tin	29	-	41	40	39	-	-	-	42	39	38	37	41	36	35	35	34	34	45	44
7	13 Bất động sản	27	30	29	31	34	32	37	36	34	35	36	37	44	45	47	52	52	53	56	57
7	14 Ô tô và phụ tùng	27	30	32	36	31	37	44	42	42	46	45	47	53	54	54	53	54	52	55	54
	15 Dịch vụ tài chính	23	29	29	30	29	28	36	32	27	30	28	30	41	41	44	46	50	51	60	58

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	22,950	-0.2%	1.7%	229,500	1.3	7.7	2,982	465.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	32,400	6.6%	2.7%	162,237	2.2	8.2	3,974	435.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DMX	77,000	0.0%	0.0%	97,615	5.5	15.0	5,126	9.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	73,600	7.0%	4.4%	54,635	2.1	16.5	4,472	246.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,150	0.7%	8.4%	52,978	1.2	9.0	1,573	138.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	37,000	0.5%	0.3%	49,090	2.1	6.4	5,818	14.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	77,300	-0.1%	0.4%	33,463	2.4	12.8	6,024	44.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực
NAB	12,350	-0.4%	3.3%	26,661	1.0	5.5	2,252	21.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
FRT	140,000	-1.3%	7.6%	25,034	5.2	22.0	6,359	63.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGC	42,750	0.0%	7.3%	19,167	2.3	13.5	3,174	20.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGR	137,200	1.6%	10.8%	12,419	10.9	24.3	6,227	23.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	23,450	1.5%	1.7%	12,122	1.3	8.5	2,761	128.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PCB	8,900	6.0%	-1.1%	8,116	0.6	5.3	1,710	6.6	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PET	51,000	6.3%	31.4%	7,892	3.2	24.9	2,047	43.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	38,700	-0.8%	6.3%	4,112	1.6	7.5	5,172	14.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	46,100	-0.8%	6.5%	3,367	2.2	-1,492.5	-31	76.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	20,850	1.7%	14.2%	2,162	1.1	6.7	3,120	28.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAS	9,400	4.4%	2.2%	2,114	0.8	16.8	548	16.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VOS	12,700	1.6%	5.8%	1,778	0.9	4.5	2,814	27.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DRI	15,000	-0.7%	8.0%	1,091	1.4	4.9	3,030	13.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	29,150	-2.7%	-6.0%	97,050	2.1	15.7	1,858	76.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	11,050	-6.8%	-12.6%	26,543	0.6	6.0	1,849	132.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	25,800	-0.6%	-0.8%	24,297	1.0	21.2	1,218	36.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	13,900	-3.1%	-5.4%	21,160	1.0	7.8	1,773	190.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,300	-2.5%	-3.5%	17,170	0.9	9.8	1,567	91.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,700	-3.1%	-6.0%	15,715	1.3	8.6	1,828	76.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	30,700	-7.0%	-16.8%	15,710	1.2	6.4	4,780	65.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	54,500	3.8%	-7.6%	12,813	4.3	12.7	4,365	18.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	13,200	-3.6%	-6.4%	11,873	1.0	11.8	1,119	181.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	13,700	-2.5%	-4.2%	9,565	0.8	2.3	5,869	29.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CII	12,250	-2.8%	-4.7%	8,232	0.9	71.9	170	115.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	9,910	-0.9%	-1.9%	8,000	0.7	12.2	813	26.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	9,230	-4.2%	-8.6%	7,792	0.8	9.4	987	51.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	8,990	-1.3%	-3.7%	5,165	0.5	7.7	1,164	29.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,460	-2.5%	-5.2%	4,657	0.6	28.0	338	17.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	6,570	-2.2%	-4.1%	4,136	0.5	5.5	1,186	9.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VDS	9,800	-4.9%	-8.4%	2,666	0.9	9.4	1,044	11.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,600	-4.9%	-7.4%	2,435	0.8	3.6	2,909	17.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCM	15,650	-0.9%	-2.2%	1,841	0.8	8.4	1,872	17.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	9,180	0.1%	-7.8%	1,665	0.4	2.9	3,219	13.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	7,700	0.00%	-1.28%	16,000	107.8%	(354)	0.7	-21.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,300	-2.55%	-3.47%	31,700	101.9%	1,567	0.9	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,600	-4.93%	-7.42%	21,400	91.9%	2,909	0.8	3.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MWG	72,000	-1.91%	0.42%	140,000	90.7%	6,662	3.0	10.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
F88	54,500	3.81%	-7.63%	98,000	86.7%	4,365	4.3	12.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	15,350	-3.15%	-4.06%	28,700	81.1%	2,298	0.9	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PTB	28,900	-1.37%	-0.17%	52,000	77.5%	5,852	0.8	4.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	27,800	-0.71%	3.73%	48,900	74.6%	3,530	1.1	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	18,600	-0.53%	-2.11%	31,900	70.6%	1,850	1.1	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DMX	77,000	0.00%	0.00%	130,600	69.6%	5,126	5.5	15.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	23,900	-0.42%	1.06%	40,500	68.8%	1,049	1.6	22.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BMI	14,150	1.43%	2.17%	23,100	65.6%	1,976	0.7	7.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
NLG	21,650	-3.56%	-10.17%	36,800	63.9%	1,407	0.8	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	29,850	-1.00%	-3.71%	48,800	61.9%	5,172	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	11,050	-6.75%	-12.65%	18,600	57.0%	1,849	0.6	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	42,750	0.00%	7.28%	66,800	56.3%	3,174	2.3	13.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	33,400	5.70%	0.30%	49,000	55.1%	3,432	1.3	9.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
IDC	33,400	0.00%	0.60%	51,200	53.3%	5,201	2.1	6.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	19,800	-0.50%	-1.98%	29,600	48.7%	3,242	1.3	6.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	31,500	1.12%	0.96%	45,800	47.0%	3,483	1.1	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn